

Chương V. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có)

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Vỏ bao xi măng KPK-loại 50 kg (xăm lỗ hoặc không xăm lỗ).	Kèm theo chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại mục 2	Chiếc	4.763.500

Với phạm vi cung cấp nêu trên đề nghị Nhà thầu đưa vào Bảng tổng hợp giá dự thầu theo mẫu của E-HSMT.

Ghi chú: Nhà thầu tính toán tất cả các chi phí (bao gồm cả chi phí thiết kế, in ấn maquette và cung cấp hàng hóa... phân bổ vào “Bảng giá dự thầu của hàng hóa”.

2. Tiến độ và địa điểm cung cấp

2.1. Tiến độ cung cấp:

- Tổng thời gian thực hiện hợp đồng: 380 ngày tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tổng tiến độ thực hiện cung cấp: thực hiện cung cấp liên tục theo từng đơn đặt hàng vòng 365 ngày tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng.

2.2. Địa điểm cung cấp: Nhà thầu chịu trách nhiệm bốc dỡ hàng hóa từ phương tiện giao hàng của nhà thầu xuống palet tại vị trí Kho vỏ bao của bên mời thầu.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu về kỹ thuật

TT	Nội dung	Quy cách kỹ thuật
1	Chất lượng giấy làm vỏ bao	
1.1	Giấy Kraft	<ul style="list-style-type: none">- Lớp giấy trong.- Khối lượng đơn vị: $\geq 70 \text{ g/m}^2$- Độ bền kéo theo chiều dọc: $\geq 5.3 \text{ kgf/15mm}$.- Độ bền kéo theo chiều ngang: $\geq 2.2 \text{ kgf/15mm}$.- Độ bền xé theo chiều dọc: $\geq 550 \text{ mN}$.- Độ bền xé theo chiều ngang: $\geq 650 \text{ mN}$.
1.2	Giấy phức hợp KP	<ul style="list-style-type: none">- Khối lượng đơn vị: $\geq 160 \text{ g/m}^2$- Độ bền kéo theo chiều dọc: $\geq 70 \text{ kgf/5cm}$.- Độ bền kéo theo chiều ngang: $\geq 65 \text{ kgf/5cm}$.- Độ bền mối dán: $\geq 50 \text{ kgf/5cm}$.- Độ giãn dài: $\leq 24.0 \%$.
2	Lớp Polyetylen tráng trong	Không bóc được*
3	Màu sắc	Vàng nhạt (Theo bao mẫu).

TT	Nội dung	Quy cách kỹ thuật
4	Bước chi khâu	10-12mm/mũi.
		Đường thẳng song song cách đều 2 mép bao từ 15-20 mm.
5	Băng nẹp ở hai đầu bao	Giống nhau.
6	Số lớp giấy Kraft	2 lớp*.
7	In ấn vỏ	Theo market của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.
8	Mật độ dệt	32-33 sợi 3mm/dm *.
9	Khối lượng của 1 vỏ bao	205g ± 5g.
10	Kích thước:	- Tổng chiều dài vỏ bao: 780± 5mm.
		- Chiều rộng: 420± 5mm.
		- Chiều dày: 80± 2mm.
		- Chiều cao van bao: 110± 5mm.
11	Xăm lỗ (theo yêu cầu nếu có)	- Chiều sâu van bao: 150± 5mm
		- Số hàng xăm lỗ, số lỗ trên hàng: theo yêu cầu từng đợt đặt hàng.
		- Kích thước giữa các lỗ: theo yêu cầu từng đợt đặt hàng.
		- Đường kính lỗ: theo yêu cầu từng đợt đặt hàng.
11	Xăm lỗ (theo yêu cầu nếu có)	- Vùng xăm lỗ: theo yêu cầu từng đợt đặt hàng.

2.2. Các yêu cầu về kỹ thuật khác

Vỏ bao không được có khuyết tật như sau:

- + Các vết rách thủng, nếp nhăn.
- + Vết hồ làm dính các lớp bao với nhau hoặc trong ruột bao với nhau.
- + Kích thước miệng bao hẹp hoặc rộng quá quy định.
- + Lỗi chỉ, đứt chỉ trên đường may hoặc may lại.
- + Vỏ bao in sai Market (màu sắc, mẫu mã...), có màu sắc khác (đậm hoặc nhạt hơn) so với vỏ bao mẫu.
- + Phoi lẫn trong vỏ bao, cong vênh.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

1. Số lượng mẫu yêu cầu gửi kèm E-HSDT như sau:

- 01 mẫu (1.000 vỏ bao để thử nghiệm có in maquette do bên mời thầu cung cấp tại thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu) đối với Vỏ bao xi măng KPK -PCB 40 không xăm lỗ.
- 01 mẫu (1.000 vỏ bao để thử nghiệm có in maquette do bên mời thầu cung cấp tại thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu) đối với Vỏ bao xi măng KPK -PCB 30 không xăm lỗ.

Ghi chú:

- Đề nghị Nhà thầu gửi 02 loại mẫu vỏ bao nêu trên (có in maquette trước thời

điểm đóng thầu) để làm cơ sở cho Bên mời thầu chấm thầu và đánh giá mẫu.

- Nếu được lựa chọn là Nhà thầu trúng thầu, Nhà thầu cung cấp bộ mẫu mới (có in maquette do bên mời thầu cung cấp theo thời điểm lựa chọn Nhà thầu trúng thầu) để làm cơ sở đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong trường hợp Bên mời thầu có sự thay đổi về maquette vỏ bao, Bên mời thầu sẽ thông báo chính thức bằng văn bản.

2. Kiểm tra và thí nghiệm mẫu:

Trong thời gian (dự kiến) 10 ngày kể từ ngày mở thầu, Bên mời thầu sẽ tiến hành kiểm tra 1.000 vỏ bao mẫu mỗi loại để đánh giá:

a. Rút xác suất 10 vỏ bao mỗi loại để đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trong Mục 2, như sau:

- Đánh giá các tiêu chí nêu tại Mục 2 (trừ chỉ tiêu chất lượng giấy làm vỏ bao).

- Đánh giá thí nghiệm thả rơi (đánh giá chỉ tiêu chất lượng giấy làm vỏ bao):

+ Bước 1: 10 Vỏ bao mẫu (cho từng loại) sẽ được lấy để thực hiện thí nghiệm thả rơi để xác định chất lượng và tỷ lệ rách vỡ.

+ Bước 2: Mỗi một chiếc vỏ bao dùng làm thí nghiệm được máy đóng bao đóng một lượng xi măng theo đúng tiêu chuẩn quy định với khối lượng: $50 \text{ kg} \pm 0,5\text{kg}$ /vỏ bao. Để các bao thí nghiệm sau khi đóng đầy trong khoảng thời gian 30 phút cho bao xi măng nguội và thoát khí mới bắt đầu tiến hành thí nghiệm thả rơi. Độ cao thả rơi làm chuẩn cho việc thử nghiệm thả rơi: 1,2m.

+ Bước 3: Từng bao xi măng thí nghiệm được đặt thẳng bằng và thả rơi tự do xuống nền bằng phẳng. Số lần đưa lên độ cao quy định và thả rơi cho từng bao: 20 lần/bao. Bất kỳ Bao xi măng nào khi thí nghiệm thả rơi bị vỡ sẽ không được thí nghiệm tiếp.

+ Bước 4: Ghi kết quả thí nghiệm với các tiêu chí ghi trong Phiếu kiểm tra chất lượng Vỏ bao KPK (đính kèm E-HSMT này).

+ Bước 5: Tổng hợp kết quả thí nghiệm lại. Kết quả thí nghiệm thả rơi được đánh giá là đạt yêu cầu khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí đánh giá như sau:

Độ bền của bao xi măng (khối lượng $50 \pm 0,5\text{kg}$), được thả rơi tự do ở độ cao: 1,2m	- Bong rách lớp giấy ngoài (trung bình 10 vỏ bao thí nghiệm).	≥ 7 lần
	- Rách vỡ lớp giấy trong (trung bình 10 vỏ bao thí nghiệm sau 02 lần thả rơi - Kiểm tra sắc xuất)	≤ 3 mảnh
	- Vỡ vỏ bao	
	+ Vỡ 1 bao	≥ 15 lần
	+ Trung bình lô vỏ bao (10 vỏ bao thí nghiệm)	≥ 17 lần

Ghi chú:

+ Số lần thả rơi tính bình quân sẽ được làm tròn theo cách: từ 0,5 trở lên đến 1 thì làm tròn lên 1 và dưới 0,5 thì làm tròn xuống 0.

b. Số lượng vỏ bao còn lại mỗi loại (trong 1.000 vỏ bao mẫu) sẽ được máy đóng bao đóng thành bao xi măng 50 kg xuất trực tiếp theo tuyến đường thủy để đánh giá năng suất máy đóng bao và tỷ lệ rách vỡ vỏ bao tại tàu nhập theo tiêu chí như sau:

+ Năng suất máy đóng bao xi măng ≥ 65 t/h.

+ Đánh giá tại tàu nhập: Định mức vỏ bao quy định của Bên mời thầu ≤ 20.03 vỏ/tấn xi măng (tương đương với tỷ lệ rách vỡ vỏ bao ≤ 0.15 %).

Mục 4. Yêu cầu về quy cách đóng gói

- Vỏ bao được đóng gói thành bó: 100 (vỏ bao/bó) và được giao theo lô hàng với số lượng: 40.000 vỏ bao/lô hàng (Tổng số lô hàng cụ thể sẽ được quy định trong từng đơn đặt hàng).

Mục 5. Yêu cầu về tỷ lệ rách vỡ

Tỷ lệ vỏ bao rách vỡ cho phép tối đa là: 0,15% bao gồm toàn bộ số lượng vỏ bao rách vỡ tại Nhà đóng bao, trên băng tải và bốc xếp vận chuyển lên phương tiện đường bộ cũng như đường thủy tại Bên mời thầu.

Mục 6. Yêu cầu về tính toán khối lượng thực tế từng chuyến hàng:

Số lượng vỏ bao được kiểm đếm trên cơ sở số lượng của từng bó mà Nhà thầu đã thông báo. Tuy nhiên trong quá trình giao nhận, Bên mời thầu sẽ kiểm đếm xác suất 10% toàn bộ lô hàng. Tỷ lệ thiếu hụt cho phép là $\leq 0,1\%$ số lượng kiểm đếm. Nếu số lượng vỏ bao thiếu $> 0,1\%$ số lượng kiểm đếm thì hai bên sẽ phối hợp để kiểm tra lại toàn bộ lô hàng. Nhà thầu phải có trách nhiệm cấp bù số lượng bị thiếu hụt mà không nhận được bất kỳ một khoản phát sinh nào.

Mục 7. Yêu cầu về bồi thường và xử lý vi phạm

Các nội dung được mô tả và yêu cầu dưới đây được xây dựng tiêu chí dựa trên: (1) Uy tín, thương hiệu của Xi măng Cẩm Phả; (2) Chất lượng của hàng hóa; (3) Đảm bảo hàng hóa được cung cấp liên tục phục vụ sản xuất; (4) Có kế hoạch giao/nhận cụ thể để từng bên chủ động trong sản xuất kinh doanh; (5) Tính toán lượng hàng hóa có khả năng tiếp nhận phục vụ sản xuất và lưu kho; (6) Những phản ánh của khách hàng về chất lượng hàng hóa (chất lượng của vỏ bao giao tại đầu cuối)...Đề nghị Nhà thầu quan tâm nghiên cứu kỹ các nội dung dưới đây để đề xuất trong HSĐT.

Các yêu cầu cụ thể cho từng hạng mục như sau:

7.1. Về tiến độ cung cấp:

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm so với tiến độ quy định trong từng đơn đặt hàng (Không quá 05 ngày) thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 01% (một phần trăm) giá trị lô hàng (giá trị tính theo khối lượng đặt hàng) cho mỗi ngày giao chậm nhưng

tối đa không quá tám phần trăm (8%) tổng giá trị lô hàng hóa giao chậm.

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm quá 05 (năm) ngày so với tiến độ quy định trong từng đơn đặt hàng mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mời thầu hoặc Bên mời thầu có văn bản với nội dung không đồng ý, thì Bên mời thầu có quyền lựa chọn mức phạt hoặc bồi thường thiệt hại (không cần chứng minh tổn thất) được nêu dưới đây:

1. Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và nhà thầu phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần việc chưa thực hiện.

3. Nhà thầu tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) hoặc Bên mời thầu tự khấu trừ số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) nếu các khoản thanh toán của Bên mời thầu phải trả Nhà thầu (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng).

(Ghi chú: Bên mời thầu có quyền lựa chọn một trong ba trường hợp nêu trên mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu).

7.2. Trả lại hàng và xử lý vi phạm trả lại hàng:

- Chất lượng giấy làm vỏ bao như sau thì trả lại lô hàng:

Độ bền của bao xi măng (khối lượng 50±0.5kg), được thả rơi tự do ở độ cao: 1,2m	- Bong rách lớp giấy ngoài (trung bình 10 vỏ bao thí nghiệm)	< 7 lần
	- Rách vỡ lớp giấy trong (trung bình 10 vỏ bao thí nghiệm sau 02 lần thả rơi - Kiểm tra sắc xuất)	> 3 mảnh
	- Vỡ vỏ bao	
	+ Vỡ 1 bao	< 15 lần
	+ Trung bình lô vỏ bao (10 vỏ bao thí nghiệm)	< 17 lần

- Đối với vỏ bao có khuyết tật (Các vết rách thủng, nếp nhăn; Vết hồ làm dính các lớp bao với nhau hoặc trong ruột bao với nhau; Kích thước miệng bao hẹp hoặc rộng quá quy định; Lỗ chỉ, đứt chỉ trên đường may hoặc may lại; Nhãn in không rõ nét, thiếu nét, nhòe lệch, hoặc sai kích thước; Phoi lẫn trong vỏ bao, cong vênh) có tỷ lệ khuyết tật: > 0.15%/lô hàng thì trả lại toàn bộ lô hàng.

- Xe vận chuyển hoặc Container bị mưa hoặc vì bất cứ lý do gì khác mà bị ẩm ướt thì trả cả xe về không nghiệm thu tất cả các lô hàng trên xe.

- Khi thí nghiệm và kiểm tra xác xuất (10 vỏ bao/lô hàng) các tiêu chí kỹ thuật của vỏ bao thí nghiệm không đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật nêu trên thì lô vỏ bao đó sẽ trả lại.

⇒ Vi phạm một trong số những trường hợp nêu trên Bên mời thầu sẽ trả lại hàng, Nhà thầu có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới cho phù hợp với

hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu, đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần hàng hóa vi phạm chất lượng. Nếu Nhà thầu không thay thế bổ sung hàng hóa hoặc phần hàng hóa thay thế bổ sung vẫn tiếp tục không đáp ứng chất lượng đã quy định trong hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền:

1. Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng kiểm

2. Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần việc chưa thực hiện.

3. Nhà thầu tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) hoặc Bên mời thầu tự khấu trừ số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) nếu các khoản thanh toán của Bên mời thầu phải trả Nhà thầu (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng).

(Ghi chú: Bên mời thầu có quyền lựa chọn một trong ba trường hợp nêu trên mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu).

7.3. Xử lý khối lượng giao hàng thiếu:

Trong quá trình kiểm đếm hàng hóa (đã được chấp nhận nghiệm thu), nếu Nhà thầu:

- Giao hàng thiếu hụt: < 0,5% số lượng hàng hóa cần phải giao theo đơn đặt hàng. Bên mời thầu đồng ý cho Nhà thầu cấp bù số lượng hàng thiếu trong vòng 05 ngày tiếp theo kể từ ngày giao hàng hoặc theo thời gian hai Bên thỏa thuận.

- Giao hàng thiếu hụt từ 0,5% đến 05 % số lượng hàng hóa cần phải giao theo đơn đặt hàng. Bên mời thầu đồng ý cho Nhà thầu cấp bù số lượng hàng thiếu trong vòng 05 ngày tiếp theo kể từ ngày giao hàng hoặc theo thời gian hai Bên thỏa thuận đồng thời Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 1% (một phần trăm) giá trị lô hàng giao (phần bị thiếu).

- Giao hàng thiếu hụt > 5% số lượng hàng hóa cần phải giao quy định trong từng đơn đặt hàng, Bên mời thầu xử lý trường hợp này như sau:

+ Nếu Bên mời thầu đồng ý bằng văn bản thì Nhà thầu có trách nhiệm cấp bù số lượng hàng thiếu trong vòng 05 ngày tiếp theo kể từ ngày giao hàng hoặc theo thời gian hai Bên thỏa thuận đồng thời Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 08% (tám phần trăm) giá trị lô hàng giao theo đơn đặt hàng.

- Nếu Bên mời thầu không đồng ý bằng văn bản hoặc có văn bản với nội dung không đồng ý, thì Bên mời thầu có quyền lựa chọn mức phạt hoặc bồi thường thiệt hại (không cần chứng minh tổn thất) được nêu dưới đây:

1. Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần việc chưa thực hiện.

3. Nhà thầu tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) hoặc Bên mời thầu tự khấu trừ số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) nếu các khoản thanh toán của Bên mời thầu phải trả Nhà thầu (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng).

Ghi chú:

- Bên mời thầu có quyền lựa chọn một trong ba trường hợp nêu trên mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.

- Tất cả số hàng giao thiếu đều được Kiểm tra và thử mẫu.

7.4. Xử lý về tỷ lệ rách vỡ:

- Trong quá trình sử dụng, tỉ lệ bao bị vỡ trên máy đóng bao và trong quá trình bốc xếp lên phương tiện vận chuyển (đường thủy và đường bộ) tính toán như sau:

+ Trường hợp lô vỏ bao đã đóng hết 100%:

• Tỷ lệ rách vỡ cả lô: $\leq 0,15\%$ thì đạt yêu cầu chất lượng vỏ bao (đảm bảo định mức $\leq 20,03$ vỏ/tấn xi măng).

• Tỷ lệ rách vỡ cả lô: $0,15\% < \text{Tỷ lệ rách vỡ cả lô} \leq 0,50\%$ chịu phạt: **50.000 đồng/vỏ bao x Số vỏ bao rách vỡ**, tuy nhiên tổng mức phạt không vượt quá 8% tổng giá trị vi phạm.

• Tỷ lệ rách vỡ cả lô: $0,50\% < \text{Tỷ lệ rách vỡ cả lô} \leq 1,0\%$ chịu phạt: **75.000 đồng/vỏ bao x Số vỏ bao rách vỡ**, tuy nhiên tổng mức phạt không vượt quá 8% tổng giá trị vi phạm.

• Tỷ lệ rách vỡ cả lô: $> 1,0\%$ thì Bên mời thầu từ chối thanh toán toàn bộ giá trị của lô vỏ bao đó. Hai Bên tổ chức họp bàn đưa ra hướng giải quyết tiếp theo hoặc Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 08% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng.

+ Đối với các trường hợp lô vỏ đang đóng dở dang hoặc giao hàng cuối nguồn có tỷ lệ rách vỡ bất thường thì cách giải quyết như sau:

• Nếu 2.000 vỏ đầu của lô hàng có số lượng bao rách vỡ lớn hơn 5 vỏ (tỷ lệ rách vỡ $> 0,25\%$ của 2.000 vỏ) thì Bên mời thầu cho dừng đóng lô vỏ đó, hai bên lập biên bản hiện trường cùng nhau xem xét hướng xử lý tiếp theo, đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị lô hàng hóa vi phạm chất lượng.

• Nếu một lô hàng đang đóng có số lượng vỏ bao rách vỡ lớn hơn 01% số lượng vỏ bao đã đóng (tỷ lệ rách vỡ: $> 01\%$ số lượng đã đóng) thì Bên mời thầu cho dừng đóng lô hàng đó, hai bên lập biên bản hiện trường cùng nhau xem xét hướng xử lý tiếp theo, đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị lô hàng hóa vi phạm chất lượng.

• Trường hợp trong quá trình hai Bên xem xét hướng giải quyết tiếp theo kéo dài gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Bên mời thầu thì Bên mời thầu có quyền lựa chọn mức phạt hoặc bồi thường thiệt hại (không cần chứng minh tổn thất) được nêu dưới đây:

1. Chỉ định 01 Nhà thầu khác để thực hiện theo khối lượng cung cấp Bên mời thầu yêu cầu đồng thời Nhà thầu bị cắt giảm khối lượng cung cấp đó đồng thời bù đắp toàn bộ chi phí phát sinh (giá mua cao hơn) trong quá trình Bên mời thầu lựa chọn Nhà thầu đó cung cấp.

2. Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

3. Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần việc chưa thực hiện.

4. Nhà thầu tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) hoặc Bên mời thầu tự khấu trừ số tiền: **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) nếu các khoản thanh toán của Bên mời thầu phải trả Nhà thầu (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng).

Ghi chú:

- Bên mời thầu có quyền lựa chọn một trong bốn trường hợp nêu trên mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.

• Trường hợp theo phản ánh từ thị trường ở cuối nguồn giao hàng (bằng đường thủy và đường bộ) bao xi măng có tỷ lệ rách vỡ bất thường. Trong vòng 01 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu (bằng văn bản/Fax/điện thoại/Email...), Nhà thầu có trách nhiệm đến ngay hiện trường (nơi xảy ra bao xi măng có tỷ lệ rách vỡ bất thường) để phối hợp xác nhận thông tin, tìm hiểu nguyên nhân. Nếu lỗi được xác định là của Nhà thầu thì Bên mời thầu có quyền lựa chọn mức phạt hoặc bồi thường thiệt hại (không cần chứng minh tổn thất) được nêu dưới đây:

1. Bồi hoàn toàn bộ giá trị được tính toán trên cơ sở: (1) số lượng vỏ bao rách vỡ; (2) Số lượng xi măng rách vỡ không thu hồi được; chi phí vận chuyển (bù đắp số lượng bao xi măng rách vỡ) đến nơi xảy ra rách vỡ (nếu có).

2. Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

3. Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần việc chưa thực hiện.

4. Nhà thầu tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu hoặc Bên mời thầu tự khấu trừ số tiền nếu các khoản thanh toán của Bên mời thầu phải trả Nhà thầu (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn mức khấu trừ do Bên mời thầu quyết định. Tùy theo mức độ thiệt hại, Bên mời thầu có quyền quyết định mức khấu trừ từ: **100.000.000 đồng** (một trăm triệu đồng) đến **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng).

Ghi chú:

- Bên mời thầu có quyền lựa chọn một hoặc nhiều trường hợp trong số 04 trường hợp nêu trên mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.

80 mm

420 mm

80 mm

420 mm

780 mm

562 mm

XI MĂNG GẮM PHẪ PCB 40

KLT: 50kg

PCB40

TCVN 6260 : 2020



**XI MĂNG GẮM PHẪ
CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**



XI MĂNG GẮM PHẪ PCB 40

KLT: 50kg



**XI MĂNG GẮM PHẪ
CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thành phần	Đơn vị	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2020	Phương pháp thử
Cường độ chịu nén - 3 ngày - 28 ngày	MPa	18 min	TCVN 6016:2011
	MPa	40 min	
Thời gian đông kết - Bắt đầu - Kết thúc	Phút	45 min	TCVN 6017:2015
	Phút	420 max	

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

TỶ LỆ CẤP PHỐI BÊ TÔNG

MÁC BÊ TÔNG	TỶ LỆ CẤP PHỐI				KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (BAO)	CÁT VÀNG (XỔ - 18 Lit)	ĐÁ 1X2 (XỔ - 18 Lit)	NƯỚC SẠCH	
M200	50 kg	4 xô	4 xô	Vừa đủ thi công	Nền nhà, kho, xưởng
M250	50 kg	3 xô	4 xô	Vừa đủ thi công	Cột, dầm, mái, ô văng
M300	50 kg	2 xô	4 xô	Vừa đủ thi công	Cột, dầm, mái, ô văng và các kết cấu chịu lực ...

TỶ LỆ CẤP PHỐI VỮA XÂY TRÁT

MÁC VỮA	TỶ LỆ CẤP PHỐI			KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (XỔ)	CÁT VÀNG (XỔ)	NƯỚC SẠCH	
M75	1 xô	4 xô	Vừa đủ thi công	Xây tường chịu lực, trát tường
M100	1 xô	4 xô	Vừa đủ thi công	Xây tường chịu lực cao tầng, trát tường chịu lực, trát ngoài chống thấm, trát trần

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Không xếp bao xi măng trực tiếp xuống nền, xếp cách tường từ 15cm - 20cm.
- Xi măng phải được để nơi khô ráo, bao che tránh ẩm ướt.
- Không xếp cao quá 10 bao một chồng.

LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Không được ăn, không nên tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.
- Sử dụng nước sạch, không sử dụng nước mặn, nước bẩn để trộn bê tông hoặc vữa.
- Sử dụng cát, đá sạch, không lẫn bùn đất.
- Sử dụng hết hỗn hợp bê tông hoặc vữa đã trộn trong vòng 2h.
- Làm ướt và sạch bề mặt (tường, trần, gạch,...) trước khi xây, trát.
- Dưỡng ẩm ngay sau khi hoàn thiện đổ bê tông.

SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY XI MĂNG GẮM PHẪ

ĐC: Km6, Quốc lộ 18A, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh
 ĐT: Hotline: 0968 523 388 - (+84-203) 3 721996 Fax: (+84-203) 3 714 605
 Email: info@camphacement.vn Website: www.camphacement.vn

80 mm

420 mm

80 mm

420 mm

780 mm

680 mm

XI MĂNG ĐA DỤNG - SIÊU KẾT DÍNH

PCB 30

TCVN 6260 : 2020

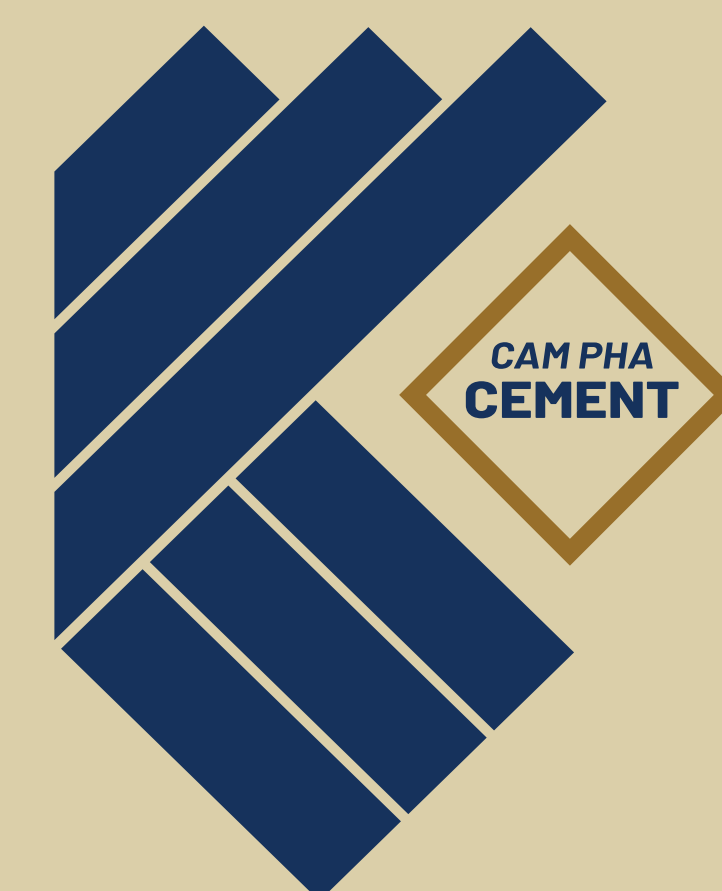


**XI MĂNG CẨM PHẢ
CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**



XI MĂNG CẨM PHẢ PCB 30

KLT: 50kg



**XI MĂNG CẨM PHẢ
CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thành phần	Đơn vị	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2020	Phương pháp thử
Cường độ chịu nén - 3 ngày - 28 ngày	MPa MPa	14 min 30 min	TCVN 6016:2011
Thời gian đông kết - Bắt đầu - Kết thúc	Phút Phút	45 min 420 max	TCVN 6017:2015

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

TỶ LỆ CẤP PHỐI BÊ TÔNG

MÁC BÊ TÔNG	TỶ LỆ CẤP PHỐI				KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (BAO)	CÁT VÀNG (XÔ - 18 Lit)	ĐÁ 1X2 (XÔ - 18 Lit)	NƯỚC SẠCH	
M200	50 kg	3 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Nền nhà, kho, xưởng
M250	50 kg	2 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Cột, dầm, mái, ô văng

TỶ LỆ CẤP PHỐI Vữa XÂY TRÁT

MÁC VỮA	TỶ LỆ CẤP PHỐI			KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (XÔ)	CÁT VÀNG (XÔ)	NƯỚC SẠCH	
M75	1 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Xây tường chịu lực, trát tường
M100	1 xô	2 xô	Vừa đủ thi công	Trát tường chịu lực, trát ngoài chống thấm, trát trần.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Không xếp bao xi măng trực tiếp xuống nền, xếp cách tường từ 15cm - 20cm.
- Xi măng phải được để nơi khô ráo, bao che tránh ẩm ướt.
- Không xếp cao quá 10 bao một chồng.

LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Không được ăn, không nên tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.
- Sử dụng nước sạch, không sử dụng nước mặn, nước bẩn để trộn bê tông hoặc vữa.
- Sử dụng cát, đá sạch, không lẫn bùn đất.
- Sử dụng hết hỗn hợp bê tông hoặc vữa đã trộn trong vòng 2h.
- Làm ướt và sạch bề mặt (tường, trần, gạch...) trước khi xây, trát.
- Dưỡng ẩm ngay sau khi hoàn thiện đổ bê tông.

SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ

ĐC: Km6, Quốc lộ 18A, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh
ĐT: Hotline: 0968 523 388 - (+84-203) 3 721996 Fax: (+84-203) 3 714 605
Email: info@camphacement.vn Website: www.camphacement.vn

183439_Nguyen Thi Minh Chi_08:40 21/08/2025
Tong Giam doc Nguyen Thai Hung da ky, 21/08/2025 06:34:29

183439_Nguyen Thi Minh Chi_08:40 21/08/2025
Tong Giam doc Nguyen Thai Hung da ky, 21/08/2025 06:34:29

183439_Nguyen Thi Minh Chi_08:40 21/08/2025
Tong Giam doc Nguyen Thai Hung da ky, 21/08/2025 06:34:29